

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 01 - 2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Hoàn

2. Ông Lưu Minh Sửu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 294/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25/12/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984, địa chỉ: Thôn Bì, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Lê Văn C, sinh năm 1980, địa chỉ: Thôn 1, xã T1, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 11 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh C qua tìm hiểu, tự nguyện yêu thương, lấy nhau có tổ chức cưới theo phong tục và làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1 vào ngày 15/11/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống H thuận, hạnh phúc được khoảng 3 năm thì xảy ra nhiều mâu thuẫn.

Nguyên nhân do bất đồng trong sinh hoạt gia đình, anh C không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con và có biểu hiện quan hệ với người con gái khác, nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, đã có nhiều lần anh C chửi bới, đánh đập, xúc phạm chị. Đến khoảng năm 2011 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, nên chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, từ đó vợ chồng ly thân đến nay không còn qua lại với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C .

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Lê Thị Kim C1 , sinh ngày 22/01/2006; hiện nay con đang ở với anh C . Nguyên vọng của chị là xin được nuôi con và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Chị H xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23/11/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Lê Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C xác nhận việc vợ chồng kết hôn là do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1 vào ngày 15/11/2005. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hòa thuận và không có gì mâu thuẫn. Đến năm 2015 anh phát hiện chị H có quan hệ lãng nhăng, sau đó hai vợ chồng có nói chuyện, nên anh đã bỏ quan; được thời gian anh lại phát hiện chị H có quan hệ với người khác trong khi vợ chồng chưa ly hôn, nên từ đó vợ chồng ly thân đến nay. Quan điểm của anh là không đồng ý ly hôn, mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Anh C xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Lê Thị Kim C1 , sinh ngày 22/01/2006; hiện nay con đang ở với anh. Quan điểm của anh C là nếu Tòa giải quyết ly hôn, anh xin được nuôi con và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Anh C có ý kiến xin được tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23/12/2020 cháu Lê Thị Kim C1 có ý kiến: thể hiện nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn cháu xin ở với bố để ổn định sinh hoạt và thuận tiện cho việc học tập.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 11/12/2020, đại diện Ủy ban nhân dân xã T1 cho biết: Nguyễn Thị H và anh Lê Văn C có đăng ký kết hôn tại UBND xã T1 vào ngày 15/11/2005. Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thị Kim C1 , sinh ngày 22/01/2006, hiện đang ở với anh C . Hiện tại chị H và anh C không chung sống với nhau, chị H đã về Thái Bình sinh sống từ nhiều năm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng địa phương không rõ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và

Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lê Văn C . Về con chung: giao cháu Lê Thị Kim C1 cho anh Lê Văn C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và công nợ: không xem xét. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Lê Văn C , cư trú tại: Thôn 1, xã T1, huyện T , tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn C tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã T1 cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/11/2005, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì không còn hạnh phúc nữa, mà phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong sinh hoạt gia đình, không tin tưởng tôn trọng nhau, nêu giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau; hiện vợ chồng đã ly thân từ nhiều năm nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên một mực đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn; còn anh C có quan điểm không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án anh C không tham gia phiên H giải vào ngày 03/12/2020 và phiên tòa, điều đó thể hiện anh C không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị H, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lê Văn C .

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn C đều xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Lê Thị Kim C1 , sinh ngày 22/01/2006; hiện nay con đang ở với anh C .

Xét nguyên vọng xin được nuôi con của chị H và anh C thấy rằng: Cháu C1 hiện đang ở ổn định với anh C từ sau khi vợ chồng ly thân đến nay, được anh C

chăm sóc, nuôi dưỡng tốt và anh C cũng có đủ các điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và phù hợp với nguyện vọng của con, cần thiết giao cháu Lê Thị Kim C1 cho anh Lê Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: anh C không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng, xét đây là sự tự nguyện của anh C, do đó Hội đồng xét xử xem xét ghi nhận.

[4] Về phần tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn C đều có ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lê Văn C.

2. *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn C có 01 (một) con chung là cháu Lê Thị Kim C1, sinh ngày 22/01/2006.

Giao con chung là cháu Lê Thị Kim C1 cho anh Lê Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. *Về tài sản và công nợ:* Không xem xét.

4. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0006243 ngày 09/11/2020 của C1 cục Thi hành án dân sự huyện Thới Xuân. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- C1 cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã T1 ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến